

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Minh Toàn** và ông **Lê Đình Khôi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Luật** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ka H**, sinh năm 1990

Chỗ ở hiện tại: Ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **K Đ**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Đ vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021, lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn chị Ka H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh K Đ tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phú Bình, huyện Tân Phú và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định.

Đời sống hôn nhân của vợ chồng chị đầm ấm, H phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, xung đột. Hiện nay chị và anh Đ

đã không còn sống chung với nhau, không ai quan tâm đến ai. Tình cảm vợ chồng không còn. chị giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh K Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 03 (ba) con chung là Ka Lê Tr, sinh ngày 29/3/2008; K Minh Kh, sinh ngày 28/02/2013; K Phương D, sinh ngày 01/11/2009. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Theo chị H, vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh K' Đ mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử không có ý kiến, đồng thời vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Để chứng minh cho yêu cầu, ý kiến của mình, nguyên đơn đã nộp kèm theo đơn khởi kiện những tài liệu chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân (bản sao); sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao); giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); giấy khai sinh của các con chung (bản sao); lời khai của nguyên đơn; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp Tòa án đã tiến hành sao gửi hợp lệ cho bị đơn.

Để giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Bản tự khai của bị đơn; đơn nguyện vọng và ý kiến của các con; Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận cho chị H ly hôn với anh K Đ; về con chung: Đề nghị giao ba cháu Ka Lê Tr, sinh ngày 29/3/2008; K Minh Kh, sinh ngày 28/02/2013; K Phương D, sinh ngày 01/11/2009 cho chị H nuôi dưỡng anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Ka H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K Đ, tranh chấp về nuôi ba con chung là Ka Lê Tr, sinh ngày 29/3/2008; K Minh Kh, sinh ngày 28/02/2013; K Phương D, sinh ngày 01/11/2009. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh

chấp về nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh K Đ có nơi cư trú tại: Ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh K Đ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị H, anh Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Bình, huyện Tân Phú vào ngày 17/02/2009, do đó đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

[4] Đời sống hôn nhân của chị H, anh Đ đầm ấm, H phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm tính cách không hợp nhau, nên hay xảy ra cãi vã. Hiện nay chị H, anh Đ đã không còn sống chung, vợ chồng không ai quan tâm đến ai, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

[5] Đối với bị đơn anh K Đ, qua xác minh tại địa phương nơi bị đơn cư trú, xác định anh Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, vẫn sinh sống và thường xuyên có mặt tại địa chỉ như nguyên đơn cung cấp nhưng cố tình né tránh. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, giấy báo và các văn bản tố tụng khác (Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử) cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không đến Tòa án làm việc, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, tự từ bỏ quyền của đương sự. Mặt khác, điều này cũng thể hiện anh Đ không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ gia đình với chị H.

[6] Từ những lý do nêu trên, xác định được chị H, anh Đ trong quá trình sống chung đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh Đ là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H, anh Đ có 03 con chung là Ka Lê Tr, sinh ngày 29/3/2008; K Minh Kh, sinh ngày 28/02/2013; K Phương D, sinh ngày 01/11/2009. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Xét thấy từ khi vợ chồng chị H, anh Đ không còn sống chung thì các con do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; các cháu có nguyện vọng được sống chung với chị H. Do đó giao các cháu K Minh Kh; Ka Lê Tr; K Phương D cho chị

H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không có yêu cầu.

[9] Về tài sản chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung: Chị H khai không có, nên không xem xét. Đối với anh Đ nếu có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[10] Về án phí: Chị H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, do đó chị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 85, 91, 92, 93 luật hôn nhân gia đình năm 2000; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 131 của Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ka H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” đối với anh K Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ka H được ly hôn anh K Đ.

2. Về nuôi con chung: Giao ba con chung là Ka Lê Tr, sinh ngày 29/3/2008; K Minh Kh, sinh ngày 28/02/2013; K Phương D, sinh ngày 01/11/2009 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Anh Đ có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét; về nợ chung, chị H khai không có, nên không xem xét, giải quyết. Dành quyền khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng bằng vụ án khác cho anh Đ nếu anh Đ có yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Ka H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng theo biên lai thu số 0002174 ngày 18/10/2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Bình (để ghi vào sổ hộ tịch ĐK ngày 17/02/2009)
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thịnh

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA